

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM

ThS. Phạm Hồng Mạnh
Trường ĐH Nha Trang

Tóm tắt: Bài viết này đánh giá thực trạng về hoạt động sản xuất kinh doanh của các tập đoàn và tổng công ty nhà nước (TCTNN) trong thời gian vừa qua, trên cơ sở đó tìm ra những hạn chế, yếu kém trong hoạt động của khu vực doanh nghiệp này. Kết quả nghiên cứu cho thấy những tồn tại trong nội tại của doanh nghiệp như: tình hình tài chính yếu kém, đầu tư dàn trải, hiệu quả đầu tư thấp... cũng như những bất cập về thể chế đang là rào cản hạn chế hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các tập đoàn và TCTNN trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Hiệu quả, tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước.

Mở đầu

Sau hơn 25 đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, tăng trưởng kinh tế tăng nhanh, giải quyết một số lượng lớn việc làm (Tổng cục Thống kê, 2010; Vũ Hạnh và Đặng Khanh, 2011). Trong những thành tựu kể trên, khu vực kinh tế nhà nước trong đó có các tập đoàn kinh tế (TĐKT), TCTNN đã đóng góp vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Với nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang thực hiện thì khu vực kinh tế nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo (Đình La Thăng, 2010). Để giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, trong thời gian qua, các tập đoàn, TCTNN luôn được sự “ưu ái” từ các cấp quản lý với kỳ vọng tạo sự ảnh hưởng, chi phối, lan tỏa đến các hoạt động kinh tế - xã hội; tạo động lực nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường; định hướng, dẫn dắt cộng đồng doanh nghiệp theo mục tiêu của nhà nước.

Tuy vậy, thực tế cho thấy kết quả đạt được và tỉ trọng đóng góp của các tập đoàn, tổng công

ty này chưa tương xứng với vị thế và mức độ đầu tư của nhà nước vào tăng trưởng kinh tế quốc dân, hiệu quả kinh doanh của một số tập đoàn và tổng công ty thấp, cơ chế quản lý đối với những TĐKT hiện nay vẫn còn nhiều bất cập (Chính phủ, 2012; Vương Đình Huệ, 2011). Nhận ra các hạn chế đó, những năm gần đây Chính phủ đã đẩy mạnh cơ cấu lại khu vực này thông qua các giải pháp bán, khoán, cho thuê, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Chính phủ, 2012)... Tuy nhiên, đã đến lúc khu vực này phải được tái cấu trúc một cách bài bản, toàn diện và cần có một cơ chế quản lý hữu hiệu để thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng như xác định vai trò chủ đạo đó của mình (Ngô Văn Hiền, 2012; Lê Văn Anh, 2011).

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết này đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các tập đoàn, TCTNN hiện nay, trên cơ sở đó nhằm đề xuất những chính sách giúp cho khu vực doanh nghiệp này nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng được sự phát triển của những tập đoàn này trong giai đoạn mới.

Cơ sở lý thuyết

Khái niệm hiệu quả kinh tế doanh nghiệp

Trong lý thuyết kinh tế, các khái niệm “hiệu quả” được đề cập tới như là một phạm trù khoa học chung rất rộng, bao gồm khoa học, kỹ thuật, xã hội, kinh tế... Hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp phản ánh trình độ sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp, là tương quan giữa kết quả thu được và chi phí bỏ ra để có được kết quả đó (Ngô Đình Giao và các tác giả, 1997).

Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước là một phạm trù kinh tế được biểu hiện bằng các chỉ tiêu đặc trưng kinh tế kỹ thuật, xác định trên cơ sở so sánh chỉ tiêu đầu ra và đầu vào của doanh nghiệp nhà nước. Nó phản ánh trình độ sử dụng nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội do nhà nước giao, từ đó khẳng định vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân (Huỳnh Đức Lộng, 2007).

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

Theo Huỳnh Đức Lộng (2007) hệ thống các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp như: tỷ suất giá trị gia tăng, tỷ suất lợi nhuận cao, tự tích lũy để tái đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển được vốn, tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, đóng góp cho ngân sách nhà nước tăng, nâng cao đời sống người lao

động. Ngoài các chỉ tiêu này cần thiết phải xây dựng thêm những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của mỗi doanh nghiệp nhà nước ở từng thời kỳ cụ thể và phải có những chỉ tiêu hiệu quả phản ảnh đặc thù của từng ngành.

Để đánh giá hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước nói chung và các TĐKT và TCTNN nói riêng, Chính phủ (2006) đã ban hành qui chế giám sát và đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước bao gồm: (i) Doanh thu và thu nhập khác; (ii) Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn nhà nước; (iii) Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn; (iv) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách; (v) Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước

Tình hình tài chính của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước nhìn chung còn yếu kém, nợ phải trả tăng cao

Mặc dù trong những năm qua tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung các tập đoàn, TCTNN đã có nhiều cố gắng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoại trừ một số tổng công ty và tập đoàn bị thua lỗ như Vinashin... (Nguyễn Đắc Hưng, 2010). Tuy vậy,

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về vốn và tài sản của các tập đoàn, TCTNN

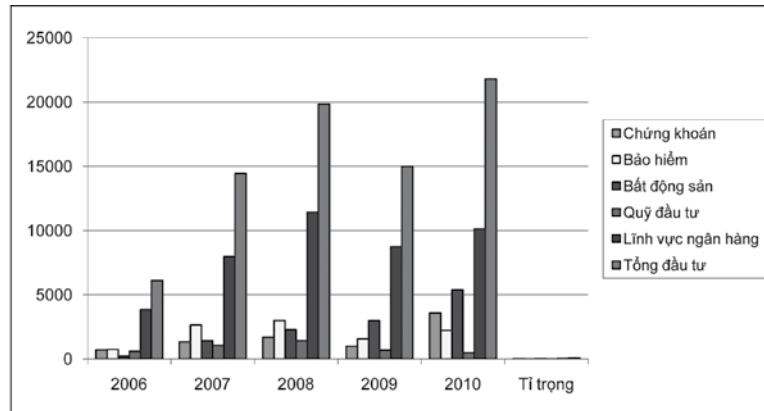
Chỉ tiêu	2006	2010
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	317.647	653.166
Tổng tài sản (tỷ đồng)	751.698	1.799.317
Nợ phải trả (tỷ đồng)	419.991	1.088.290
Tỉ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (%)	132,22	166,62
Tỉ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (%)	5,87	60,48

Ghi chú: Vinashin đang trong quá trình tái cơ cấu nên không thống kê
 Nguồn: Tác giả tính toán từ Báo cáo của Chính phủ (2012)

trên bình diện chung tình hình tài chính của các tập đoàn, TCTNN còn yếu kém, vốn chủ sở hữu tăng chậm trong khi nợ phải trả tăng nhanh... Vốn chủ sở hữu nhà nước đã tăng hơn gấp hai lần, tổng tài sản tăng hơn 2,4 lần, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Một số tổng công ty, kinh doanh thua lỗ, nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây

koán, bất động sản (Chính phủ, 2012). Nếu như năm 2006, tổng đầu tư vào một số lĩnh vực ngoài ngành kinh doanh chính của các tập đoàn và tổng công ty là 6.114 tỷ đồng thì đến năm 2010 tổng vốn đầu tư ngoài ngành của loại hình doanh nghiệp này đã lên tới 21.814 tỷ đồng, tăng 3,57 lần so với năm 2006 (Hình 1).

Hình 1: Tổng đầu tư vào một số lĩnh vực ngoài ngành kinh doanh chính



Ghi chú: Vinashin đang trong quá trình tái cơ cấu nên không thống kê
 Nguồn: Tác giả tính toán từ Báo cáo của Chính phủ (2012)

dựng cơ bản (Chính phủ, 2012). Bên cạnh đó, nợ phải trả của các tập đoàn, TCTNN đã tăng 2,6 lần trong năm 2010 so với năm trước. Việc đầu tư một khối lượng lớn tài sản do mở rộng lĩnh vực kinh doanh đã và đang trở thành gánh nặng đối với các tập đoàn và TCTNN hiện nay.

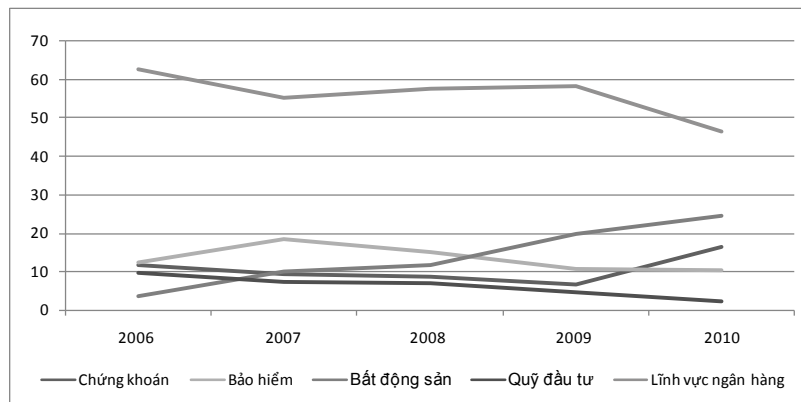
Đầu tư dàn trải ngoài lĩnh vực kinh doanh chính được giao, hiệu quả đầu tư thấp

Với vai trò của mình trong nền kinh tế thị trường, khu vực kinh tế nhà nước nói chung và các tập đoàn, TCTNN nói riêng được giao giữ nhiều ngành nghề trọng yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc đầu tư dàn trải vào nhiều lĩnh vực và nhiệm vụ được giao, mà điển hình là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam... đã thành lập các công ty con và đầu tư vào những lĩnh vực ngoài nhiệm vụ chính được giao (Vũ Hạnh và Đặng Khanh, 2011). Không ít tập đoàn đầu tư mạnh vào những lĩnh vực có tính rủi ro cao như: ngân hàng, bảo hiểm, chứng

Nếu xét theo ngành nghề đầu tư ngoài ngành thì lĩnh vực ngân hàng được các tập đoàn và TCTNN đầu tư nhiều nhất, chiếm 62,77% tổng vốn đầu tư trong năm 2006; 55,24% trong năm 2007; 57,60% trong năm 2008; 58,26% năm 2009 và 46,43% trong năm 2010. Một số tập đoàn, tổng công ty trong những năm vừa qua đã tham gia góp vốn vào ngân hàng thương mại cổ phần, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty bảo hiểm, bất động sản. Việc đầu tư này chưa thực sự hợp lý khi nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính còn hạn chế. Diễn biến tỉ trọng đầu tư vào một số lĩnh vực ngoài ngành kinh doanh chính của các tập đoàn và TCTNN giai đoạn 2006-2010 (Hình 2).

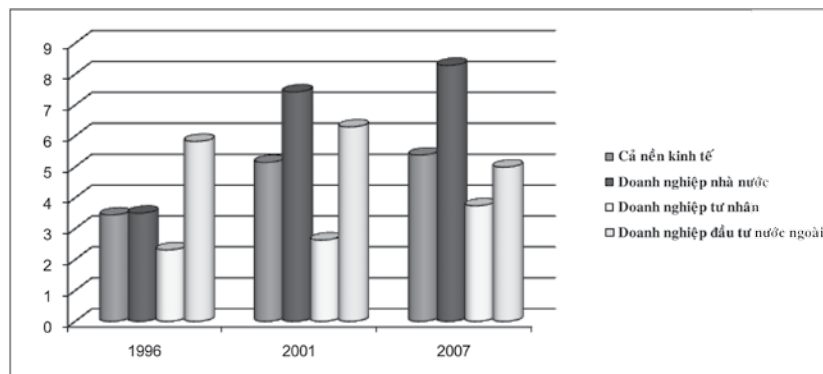
Rõ ràng với một lượng vốn lớn được triển khai đầu tư, nhưng do chưa tính toán hết các chi phí cơ hội, tiến độ đầu tư kéo dài, không hiệu quả... đã góp phần tăng nhanh hệ số ICOR trong khu vực này. Một khối lượng tài sản khá lớn được đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước nhưng không tạo ra giá trị

Hình 2: Diễn biến tỉ trọng đầu tư vào một số lĩnh vực ngoài ngành kinh doanh chính



Nguồn: Tác giả tính toán từ Báo cáo của Chính phủ (2012)

Hình 3: Hệ số ICOR của doanh nghiệp nhà nước và các khu vực doanh nghiệp khác



Nguồn: Tác giả tính toán từ Báo cáo của Chính phủ (2012)

tương ứng đã làm chậm vòng quay của đồng tiền và gây bất ổn vĩ mô. Đầu tư công thông qua các doanh nghiệp nhà nước cũng là một nguyên nhân của những mất cân đối lớn của nền kinh tế như thâm hụt ngân sách và nhập siêu (Nguyễn Ngọc Trân, 2011).

Rõ ràng cùng với việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh, hiệu quả đầu tư thấp đã dẫn đến lãng phí nguồn vốn của nhà nước. Vấn đề này không những góp phần làm cho hiệu quả kinh doanh của các tập đoàn, TCTNN không cao mà còn tạo ra những áp lực lớn đối với việc ổn định kinh tế vĩ mô của nền kinh tế hiện nay.

Hiệu quả kinh doanh của các tập đoàn và tổng công ty thấp

Nếu xét về qui mô của cả doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước thì đã

có sự gia tăng đáng kể. Doanh thu của các tập đoàn, TCTNN năm 2010 đạt 1.488.273 tỷ đồng, tăng 3,27 lần so với năm 2006, lợi nhuận đạt 162.910 tỷ đồng, tăng 2,42 lần và nộp ngân sách đạt 231.526 tỷ đồng, tăng 1,61 lần.

Xét trên số tuyệt đối là như vậy, nhưng xét trên các chỉ tiêu tương đối thì vấn đề hiệu quả kinh doanh của các tập đoàn và TCTNN hoàn toàn khác. Mặc dù tỉ lệ doanh thu/vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của các doanh nghiệp này tăng trong giai đoạn 2006-2010. Tuy nhiên, chỉ số lợi nhuận trên tổng sản và lợi nhuận trên doanh thu lại giảm nhanh so với năm 2006. Rõ ràng vốn đầu tư nhiều nhưng tỉ lệ sinh lợi trên tài sản đầu tư là rất thấp. Điều này cho thấy việc đầu tư tài sản nhiều chủ yếu do các khoản vay đã làm cho chi phí trả lãi tăng và vì vậy đã làm cho tỉ lệ lợi nhuận trên doanh thu giảm nhanh trong giai đoạn này.

Bảng 2: Tình hình doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách của các tập đoàn và TCTNN giai đoạn 2006-2010

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu hiệu quả	2006	2007	2008	2009	2010
Doanh thu	455.823	642.004	842.758	1.098.553	1.488.273
Lợi nhuận	67.201	71.491	88.478	97.537	162.910
Nộp ngân sách	143.757	133.108	223.260	189.991	231.526

Nguồn: Tác giả tính toán từ Báo cáo của Chính phủ (2012)

Bảng 3: Một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh của các tập đoàn và TCTNN giai đoạn 2006-2010

Đơn vị tính: lần

Chỉ tiêu hiệu quả	2006	2010
Doanh thu/Vốn chủ sở hữu	1,4350	2,2786
Doanh thu/Tổng tài sản	0,6064	0,8271
Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	0,2116	0,2494
Lợi nhuận/Tổng tài sản	0,4526	0,0905
Lợi nhuận/Doanh thu	0.1474	0.1095

Nguồn: Tác giả tính toán từ Báo cáo của Chính phủ (2012)

Một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước

Để các tập đoàn, TCTNN đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới, trước mắt các cơ quan quản lý, lãnh đạo các tập đoàn và tổng công ty cần tập trung để giải quyết một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả đầu tư trong các TĐKT và TCTNN. Thực trạng cho thấy, hiệu quả đầu tư tại khu vực doanh nghiệp này khá thấp so với các loại hình doanh nghiệp khác. Do đó cần thiết phải cơ cấu lại đầu tư công cho các doanh nghiệp nhà nước hiện nay khi xét về quan hệ nội tại và trong tương quan với đầu tư toàn xã hội, về mục tiêu ưu tiên, phân bổ nguồn vốn giữa các ngành, lĩnh vực, về tổ chức thực hiện... là giải pháp cấp bách để nâng cao hiệu quả hoạt động với các tập đoàn và TCTNN. Trong thời gian tới rất cần thiết xây dựng luật đầu tư công để đảm bảo cơ sở và hành lang pháp lý cho việc cấp vốn đối với các tập đoàn, TCTNN.

Thứ hai, giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư ngoài lĩnh vực kinh doanh chính và sớm thực

hiện vấn đề thoái vốn đầu tư. Từ thực tế kết quả phân tích cho thấy, việc đầu tư dàn trải ngoài nhiệm vụ được giao của các tập đoàn và TCTNN là hết sức phổ biến. Điều này đã làm cho các tập đoàn, TCTNN không chuyên tâm thực hiện các nhiệm vụ được giao, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, thậm chí thua lỗ, gây thất thoát vốn của nhà nước. Do đó, các cơ quan quản lý cần: (i) Đưa ra lộ trình thích hợp để các TĐKT, TCTNN thực hiện thoái vốn đầu tư trên cơ sở đề xuất phương án và chiến lược của các tập đoàn, tổng công ty cũng như không làm ảnh hưởng tới lợi ích kinh tế và vốn đầu tư của nhà nước; (ii) Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình đầu tư và thực hiện thoái vốn đầu tư.

Thứ ba, cần đánh giá và kiểm tra toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các tập đoàn và TCTNN. Việc tuân thủ các quy định của nhà nước trong công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại nhiều tập đoàn, tổng công ty chưa cao, chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ chưa đầy đủ, không đúng thời gian quy định... (Vương Đình Huệ, 2011). Sự bùng nổ thông tin sẽ dẫn đến tình trạng không giám sát được hiệu quả sử dụng vốn nhà nước cũng như ngành nghề và

lĩnh vực đầu tư. Do đó, trong thời gian tới yêu cầu cấp bách đặt ra đó là: (i) Cần có cơ chế giám sát tài chính đối với các tập đoàn, tổng công ty và quy định cụ thể chế độ báo cáo và công khai, minh bạch kết quả hoạt động; (ii) Kiên quyết xử lý những doanh nghiệp không báo cáo đầy đủ, kịp thời; (iii) Quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với hội đồng quản trị hoặc chủ tịch công ty, tổng giám đốc, giám đốc trong việc quản lý và sử dụng vốn của nhà nước trong các tập đoàn và tổng công ty hiện nay.

Thứ tư, cần đánh giá và xác định lại vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng tập đoàn, tổng công ty trong từng ngành. Mặc dù Chính phủ đã có qui chế giám sát và đánh giá hiệu quả đối với doanh nghiệp nhà nước (Chính phủ, 2006), qui chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ (Chính phủ, 2007), song những qui định cụ thể đối với khối TĐKT và TCTNN vẫn còn nhiều khoảng trống. Để có thể giải quyết được vấn đề này cần thiết phải: (i) Xác định rõ nhiệm vụ của các tập đoàn, TCTNN một cách cụ thể, tách bạch nhiệm vụ

sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận với các nhiệm vụ an sinh xã hội khác không vì mục tiêu lợi nhuận; (ii) Qui định phạm vi, đối tượng được nhà nước đầu tư vốn, hình thức đầu tư vốn; quy định rõ việc quản lý, sử dụng vốn tài sản của doanh nghiệp, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp...; (iii) Có các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế để các tập đoàn, TCTNN hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bình đẳng như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Cuối cùng, nâng cao nhận thức của lãnh đạo các tập đoàn, TCTNN đối với vai trò và trách nhiệm của mình trong việc sử dụng vốn nhà nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Gắn quyền lợi và trách nhiệm của hội đồng thành viên, đặc biệt là các vị trí lãnh đạo cụ thể đối với hiệu quả kinh doanh vốn nhà nước và nhiệm vụ thực hiện trong hoạt động kinh doanh. Chỉ có như vậy bộ máy hoạt động và tinh thần trách nhiệm của các vị trí lãnh đạo mới được nâng cao và hiệu quả kinh doanh của các tập đoàn và tổng công ty mới sớm được cải thiện[■]

Tài liệu tham khảo

1. Anh Quân (2011). *Quản đầu tư của tập đoàn: Bên muốn lỏng, bên muốn siết*. <http://vneconomy.vn/20111209051935731P0C5/quan-dau-tu-cua-tap-doaan-ben-muon-long-ben-muon-siet.htm>.
2. Chính phủ (2006). *Quyết định của số 224/2006/QĐ-TTG ngày 06 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước*. http://csdl.thutuchanhchinh.vn/ho_so_vb/bo_tai_chinh/b_btc_006089_vb_quyet_dinh_so_224_2006_qd_ttg_ngay_06_thang_10_nam_2006_cua_thu_tuong_chinh_phu_ve_viec_ban_hanh_quy_che_giam_sat_va_danh_gia_hieu_qua_hoat_dong_cua_doanh_nghiep_nha_nuoc.
3. Chính phủ (2007). *Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả*. <http://thuvienphapluat.vn/archive/Quy-định/Quy-định-169-2007-QĐ-TTG-quy-che-giam-sat-doanh-nghiep-nha-nuoc-kinh-doanh-thua-lo-hoat-dong-khong-co-hieu-qua-vb58299t17.aspx>.
4. Chính phủ (2012). *Thực trạng hoạt động của tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2006 -2010 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2011-2015*. http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177083&item_id=59681011&p_details=1.
5. Dương Thị Nhi (2012). *Một số vấn đề về tái cấu trúc DNNN thời gian tới*. <http://www.tapchitaichinh.vn/Qu%E1%BA%A3ntr%E1%BB%8Bn%E1%BB%99idung/ViewArticleDetail/tabid/56/Key/ViewArticleContent/ArticleId/7518/Default.aspx>.
6. Đinh La Thăng (2010). *Về tập đoàn kinh tế nhà nước ở Việt Nam sau gần 5 năm thí điểm hoạt động tại Hội thảo khoa học: Những vấn đề kinh tế - xã hội trong bối cảnh phát triển cương lĩnh 1991 trình Đại hội XI do Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh và Tạp chí Cộng sản tổ chức*, tr.98 – 103.
7. Huỳnh Đức Lộng (2007). *Hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh doanh các doanh nghiệp nhà nước*. <http://elib.lhu.edu.vn/handle/123456789/1536?mode=full>.

8. Lê Văn Anh (2011). Tác động của toàn cầu hóa đến vai trò kinh tế của nhà nước và gợi ý đối với các quốc gia đang phát triển. <http://dl.ueb.vnu.edu.vn/handle/1247/108>
9. Ngô Đình Giao và các tác giả (1997). Quản trị kinh doanh tổng hợp trong các doanh nghiệp. Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật.
10. Ngô Văn Hiền (2012). Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước: Đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn. <http://tapchitaichinh.vn/Qu%E1%BA%A3ntr%E1%BB%8B%E1%BB%99idung/ViewArticleDetail/tabid/56/Key/ViewArticleContent/ArticleId/7410/Default.aspx>.
11. Nguyễn Đắc Hưng (2010). Một số vấn đề về tái cơ cấu tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, tạo môi trường lành mạnh cho hoạt động tín dụng ngân hàng. www.sbv.gov.vn/wps/wcm/connect/.../nguyen+dac+hung.pdf?
12. Nguyễn Ngọc Trân (2011). Về tái cơ cấu. <http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=76&NewsId=233168>.
13. Ủy ban Kinh tế Quốc hội (2010). Kiến nghị Hội thảo khoa học “Ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì đà tăng trưởng: Kinh tế Việt Nam năm 2010 và triển vọng 2011”. www.undp.org.vn/digitalAssets/23/23372_KIEN_NGHI_Vn.pdf.
14. Vũ Hạnh, Đặng Khanh (2011). Các tập đoàn nhà nước đầu tư ngoài ngành: Lỗi nhiều hơn lãi. <http://vov.vn/Home/Cac-tap-doan-nha-nuoc-dau-tu-ngoai-nganh-Lo-nhieu-hon-lai/201112/194974.vov>.
15. Vương Đình Huệ (2011). Giải pháp chủ yếu nhằm tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước. http://www.mof.gov.vn/portal/pls/portal/SHARED_APP.UTILS.print_preview?p_page_url=http%3A%2F%2Fwww.mof.gov.vn%2Fportal%2Fpage%2Fportal%2Fmof_vn%2FTCTDNNN&p_itemid=50649615&p_siteid=33&p_persid=48624555&p_language=vi.
16. Tổng cục Thống kê (2011). Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam mười năm 2001-2010. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.